

KHẢO SÁT NĂNG LỰC SIÊU NHẬN THỨC CỦA HỌC VIÊN HỌC VIỆN QUÂN Y

Phạm Quốc Toàn¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Khảo sát năng lực siêu nhận thức của học viên Học viện Quân y (HVQY) bậc đại học và mối liên quan với kết quả học tập và một số đặc điểm của học viên. **Đối tượng và phương pháp:** Sử dụng bộ câu hỏi MAI (Metacognitive Awareness Inventory) gồm 52 câu hỏi đánh giá hiểu biết về nhận thức và sự điều chỉnh nhận thức bằng phần mềm khảo sát online từ 15/6/2021 - 30/6/2021 trên 202 học viên hệ quân sự và dân sự, ở các năm học khác nhau, từ các vùng miền khác nhau. Dữ liệu thu thập gồm: Điểm thi học kỳ và điểm thi lâm sàng gần nhất, thói quen chơi thể thao, đọc sách ngoài chuyên ngành Y, tìm kiếm thông tin bằng tiếng Anh và học tại thư viện. **Kết quả:** Điểm năng lực siêu nhận thức của học viên ở mức cao (0,8 điểm); điểm năng lực kiến thức về nhận thức (0,7 điểm) thấp hơn có ý nghĩa so với năng lực điều chỉnh nhận thức (0,8 điểm); điểm năng lực siêu nhận thức cao hơn có ý nghĩa ở nhóm học viên có kết quả học tập tốt, có thói quen chơi thể thao thường xuyên, đọc sách ngoài chuyên ngành Y và tìm kiếm tài liệu bằng tiếng Anh; điểm năng lực siêu nhận thức khác nhau có ý nghĩa giữa học viên thuộc các năm học khác nhau, thấp nhất ở học viên năm thứ tư. **Kết luận:** Năng lực siêu nhận thức của học viên HVQY ở mức cao, cao hơn ở những học viên có kết quả học tập tốt. Thói quen rèn luyện thể thao thường xuyên, đọc sách ngoài chuyên ngành Y và tìm kiếm tài liệu bằng tiếng Anh là những yếu tố giúp học viên có năng lực siêu nhận thức tốt.

* Từ khóa: Siêu nhận thức; Đào tạo y khoa; Bộ câu hỏi MAI.

Investigation of Metacognitive Ability of Students at Vietnam Military Medical University

Summary

Objectives: To investigate students' metacognitive ability at Vietnam Military Medical University and its relationship with learning results and some characteristics of students. **Subjects and methods:** The study was conducted on 202 students in different school years and from different regions by using the MAI (Metacognitive Awareness Inventory) questionnaire consisting of 52 questions to assess cognitive understanding and cognitive adjustment from June 15, 2021 to June 30, 2021. Collected data included: The latest semester and clinical exam scores, the habit of playing sports, reading non-medical books, searching English documents, and studying at the library. **Results:** MAI score was high (0.8 point); metacognitive knowledge score (0.7 point) was significantly lower than metacognitive regulation score (0.8 point); MAI score was significantly higher in students with higher academic results, the habit of playing sports,

¹Bộ môn Thận - Lọc máu, Học viện Quân y

Người phản hồi: Phạm Quốc Toàn (toannephro@gmail.com)

Ngày nhận bài: 18/8/2021

Ngày bài báo được đăng: 23/8/2021

SỐ ĐẶC BIỆT CHUYÊN ĐỀ VỀ ĐÀO TẠO Y KHOA DỰA TRÊN NĂNG LỰC VÀ CHUẨN ĐẦU RA - 2021

*reading non-medical books and searching English documents; MAI score was significantly different in different school years, the lowest in the fourth one. **Conclusions:** Metacognitive ability of students at Vietnam Military Medical University was high. Habit of playing sports, reading non-medical books, searching English documents are the main factors that help students with metacognitive ability.*

** Keywords: Metacognition; Medical training; Metacognitive Awareness Inventory questionnaire.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đào tạo y khoa dựa trên chuẩn năng lực đầu ra là xu hướng chung của thế giới cũng như ở Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XXI [13]. Cách tiếp cận tập trung vào đầu ra của quá trình dạy và học, trong đó nhấn mạnh người học cần đạt được các mức năng lực sau khi kết thúc một chương trình giáo dục y khoa. Người học trở thành trung tâm của quá trình đào tạo, chủ động trong lựa chọn phương pháp, phương tiện học tập để đạt được chuẩn năng lực đã được đưa ra, đồng thời giúp cho người học có năng lực tiếp tục tự học và học suốt đời [1, 6]. Các năng lực cần đạt được sau khóa học cũng được cụ thể hóa dựa trên năng lực cần có để làm việc trong môi trường thực tế. Công bố của Bộ Y tế về chuẩn đầu ra của bác sĩ đa khoa (2015) có năng lực “*Tự học, tự đào tạo liên tục, đào tạo sau đại học; có khả năng cập nhật kiến thức và các kỹ năng mới, tự hoàn thiện và trở thành chuyên gia trong nghề nghiệp*” [3]. Tuy vậy, trên thực tế, đánh giá kết quả học lâm sàng hiện nay ở Việt Nam chủ yếu tập trung vào những năng lực cụ thể trong thực hành lâm sàng, chưa đánh giá năng lực “*Tự học, tự nhận thức*” một cách trực tiếp. “*Tự học, tự nhận thức*” dưới góc nhìn giáo dục học và tâm lý học được gọi

với khái niệm siêu nhận thức (*metacognition*), là khả năng của một người trong việc kiểm soát quá trình nhận thức của chính mình, bao gồm sự hiểu biết về quá trình nhận thức và việc định hướng, theo dõi, điều chỉnh, đánh giá các hoạt động của quá trình nhận thức khi cần thiết [5, 9]. Siêu nhận thức đóng vai trò như một công cụ điều hành, theo dõi, định hướng, kiểm soát, điều chỉnh, đánh giá quá trình nhận thức đang diễn ra trong tư duy của cùng một chủ thể nhận thức [2, 9]. Nhằm đánh giá năng lực siêu nhận thức của học viên HVQY, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu:

- *Khảo sát năng lực siêu nhận thức của học viên bậc đại học tại HVQY bằng bộ câu hỏi MAI.*

- *Tìm hiểu mối liên quan giữa năng lực siêu nhận thức với kết quả học tập và một số đặc điểm của học viên.*

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

- Học viên đào tạo bác sĩ đa khoa bậc đại học, bao gồm cả quân sự và dân sự.

- Loại khỏi nghiên cứu những học viên trả lời không đầy đủ câu hỏi khảo sát hoặc kết quả khảo sát không đảm bảo logic.

SỐ ĐẶC BIỆT CHUYÊN ĐỀ VỀ ĐÀO TẠO Y KHOA DỰA TRÊN NĂNG LỰC VÀ CHUẨN ĐẦU RA - 2021

* Nội dung nghiên cứu:

- Xây dựng mẫu và thu thập thông tin của đối tượng nghiên cứu bao gồm:

+ Họ và tên, tuổi, giới, năm học, đối tượng quân sự hay dân sự.

+ Nơi sinh sống trước khi học (nông thôn, thành thị), vùng miền (Nam, Bắc).

+ Thói quen tập luyện thể thao, số sách đọc trong 3 tháng gần nhất (trừ sách chuyên ngành Y), loại sách thích đọc (sách khoa học, sách văn học), thói quen học tại thư viện, tìm tài liệu trên internet, tìm tài liệu tiếng Anh.

+ Điểm thi học kỳ và điểm thi lâm sàng gần nhất.

- Thu thập kết quả đánh giá năng lực siêu nhận thức bằng bộ câu hỏi MAI gồm 52 câu với 2 nội dung (kiến thức và năng lực điều chỉnh nhận thức) bao hàm 8 năng lực thành phần của siêu nhận thức (có phụ lục kèm theo) [4].

- Mô tả đặc điểm chung mẫu nghiên cứu, đặc điểm siêu nhận thức của nhóm nghiên cứu.

- Phân tích mối liên quan năng lực siêu nhận thức của đối tượng nghiên cứu với các đặc điểm mẫu nghiên cứu.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Nghiên cứu tiến cứu, cắt ngang có phân tích. Thời gian từ 15/6/2021 - 30/6/2021.

- Hình thức online. Sử dụng phần mềm Surveynuts khảo sát ý kiến (có bản quyền, trả phí). Chủ nhiệm đề tài được cấp tài khoản với các quyền được quy định trong hợp đồng sử dụng phần mềm.

- Xây dựng bảng câu hỏi dựa trên mô hình của phần mềm có sẵn, phần mềm tự động hình thành đường link khảo sát.

<https://surveynuts.com/surveys/take?id=228933&c=10563884369TLJP>

- Nhóm nghiên cứu gửi đường link khảo sát tới đối tượng nghiên cứu qua các ứng dụng Zalo, E-mail, Facebook. Tư vấn và hướng dẫn thực hiện khảo sát qua tin nhắn, thoại.

- Đối tượng nghiên cứu tự nguyện tham gia khảo sát (từ chối nếu không muốn tham gia). Sau khi hoàn thành khảo sát, kết quả tự động cập nhật về địa chỉ tài khoản của chủ nhiệm đề tài.

* Xử lý số liệu: Dữ liệu khảo sát được xuất ra dưới dạng file Excel, xử lý bằng phần mềm Stata 16.0.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1: Đặc điểm tuổi, giới, năm học, vùng miền.

Đặc điểm (n = 202)		n (%)
Tuổi	19	31 (15,3)
	20	29 (14,4)
	21	59 (29,2)
	22	31 (15,3)
	23	28 (13,9)
	24	22 (10,9)
	25	2 (1,0)
Giới tính	Nữ	55 (27,2)
	Nam	147 (72,8)

SỐ ĐẶC BIỆT CHUYÊN ĐỀ VỀ ĐÀO TẠO Y KHOA DỰA TRÊN NĂNG LỰC VÀ CHUẨN ĐẦU RA - 2021

Đặc điểm (n = 202)		n (%)
Đối tượng	Dân sự	50 (24,8)
	Quân sự	152 (75,2)
Năm học	Thứ nhất	39 (19,3)
	Thứ hai	30 (14,9)
	Thứ ba	60 (29,7)
	Thứ tư	28 (13,9)
	Thứ năm	24 (11,9)
	Thứ sáu	21 (10,4)
Vùng	Nông thôn	154 (76,2)
	Thành thị	48 (23,8)
Miền	Bắc	153 (75,7)
	Nam	49 (24,3)

Học viên nam chiếm chủ yếu (72,8%), tỷ lệ học viên quân sự tham gia khảo sát cao (75,2%), cao nhất là học viên năm thứ ba (29,7%). Học viên xuất thân từ nông thôn chiếm tỷ lệ cao nhất (76,2%), chủ yếu ở miền Bắc (75,5%).

Bảng 2: Sở thích, thói quen trong học tập, sinh hoạt.

Yếu tố (n = 202)	Giá trị	
	Thói quen tập luyện thể thao; n (%)	Có
	Không	102 (50,5)
Số sách đọc trong 3 tháng qua (trừ sách chuyên ngành Y); $\bar{X} \pm SD$	2,9 (3,6)	
Đọc sách (trừ sách chuyên ngành Y) trong 3 tháng qua; n (%)	Có	148 (73,3)
	Không	51 (25,2)
	Không khảo sát	3 (1,5)
Loại sách ưa thích; n (%)	Sách khoa học	96 (47,8)
	Sách văn học	105 (52,2)
Tìm tài liệu học tập qua internet; n (%)	Chưa bao giờ	1 (0,5)
	Thỉnh thoảng	84 (41,6)
	Thường xuyên	117 (57,9)
Tìm tài liệu học tập tiếng Anh; n (%)	Chưa bao giờ	33 (16,3)
	Thỉnh thoảng	141 (69,8)
	Thường xuyên	28 (13,9)
Học tập tại thư viện; n (%)	Chưa bao giờ	54 (26,7)
	Thỉnh thoảng	126 (62,4)
	Thường xuyên	22 (10,9)

Chưa tới 50% học viên có thói quen tập luyện thể thao hằng ngày; 73,3% học viên có đọc sách ngoài chuyên ngành Y trong 3 tháng gần nhất, bao gồm cả sách khoa học

SỐ ĐẶC BIỆT CHUYÊN ĐỀ VỀ ĐÀO TẠO Y KHOA DỰA TRÊN NĂNG LỰC VÀ CHUẨN ĐẦU RA - 2021

và văn học. Hầu hết học viên sử dụng internet để tìm tài liệu học tập với 57,9% thường xuyên. > 80% học viên tìm tài liệu học tập bằng tiếng Anh với 13,9% thường xuyên. 26,7% học viên chưa bao giờ học tập tại thư viện.

Bảng 3: Kết quả học tập học kỳ gần nhất, điểm thi lâm sàng gần nhất.

Yếu tố (n = 202)	Giá trị ($\bar{X} \pm SD$)
Điểm thi học kỳ gần nhất	7,2 \pm 0,8
Điểm thi lâm sàng	7,3 \pm 0,8

Điểm học tập của học viên tham gia khảo sát đạt mức Khá.

Bảng 4: Kết quả khảo sát bằng bộ câu hỏi MAI.

Câu hỏi (n = 202)	n (%)	Câu hỏi (n = 202)	n (%)	Câu hỏi (n = 202)	n (%)
Câu 1		Câu 19		Câu 36	
Có	181 (89,6)	Có	179 (88,6)	Có	164 (81,2)
Không	21 (10,4)	Không	23 (11,4)	Không	38 (18,8)
Câu 2		Câu 20		Câu 37	
Có	188 (93,1)	Có	100 (49,5)	Có	101 (50,0)
Không	14 (6,9)	Không	102 (50,5)	Không	101 (50,0)
Câu 3		Câu 21		Câu 38	
Có	162 (80,2)	Có	175 (86,6)	Có	138 (68,3)
Không	40 (19,8)	Không	27 (13,4)	Không	64 (31,7)
Câu 4		Câu 22		Câu 39	
Có	169 (83,7)	Có	160 (79,2)	Có	168 (83,2)
Không	33 (16,3)	Không	42 (20,8)	Không	34 (16,8)
Câu 5		Câu 23		Câu 40	
Có	169 (83,7)	Có	159 (78,7)	Có	165 (81,7)
Không	33 (16,3)	Không	43 (21,3)	Không	37 (18,3)
Câu 6		Câu 24		Câu 41	
Có	168 (83,2)	Có	125 (61,9)	Có	150 (74,3)
Không	34 (16,8)	Không	77 (38,1)	Không	52 (25,7)
Câu 7		Câu 25		Câu 42	
Có	155 (76,7)	Có	171 (84,7)	Có	158 (78,2)
Không	47 (23,3)	Không	31 (15,3)	Không	44 (21,8)
Câu 8		Câu 26		Câu 43	
Có	165 (81,7)	Có	154 (76,2)	Có	177 (87,6)
Không	37 (18,3)	Không	48 (23,8)	Không	25 (12,4)

SỐ ĐẶC BIỆT CHUYÊN ĐỀ VỀ ĐÀO TẠO Y KHOA DỰA TRÊN NĂNG LỰC VÀ CHUẨN ĐẦU RA - 2021

Câu hỏi (n = 202)	n (%)	Câu hỏi (n = 202)	n (%)	Câu hỏi (n = 202)	n (%)
Câu 9		Câu 27		Câu 44	
Có	150 (74,3)	Có	149 (73,8)	Có	145 (71,8)
Không	52 (25,7)	Không	53 (26,2)	Không	57 (28,2)
Câu 10		Câu 28		Câu 45	
Có	141 (69,8)	Có	118 (58,4)	Có	165 (81,7)
Không	61 (30,2)	Không	84 (41,6)	Không	37 (18,3)
Câu 11		Câu 29		Câu 46	
Có	176 (87,1)	Có	146 (72,3)	Có	185 (91,6)
Không	26 (12,9)	Không	56 (27,7)	Không	17 (8,4)
Câu 12		Câu 30		Câu 47	
Có	78 (38,6)	Có	178 (88,1)	Có	163 (80,7)
Không	124 (61,4)	Không	24 (11,9)	Không	39 (19,3)
Câu 13		Câu 31		Câu 48	
Có	173 (85,6)	Có	155 (76,7)	Có	162 (80,2)
Không	29 (14,4)	Không	47 (23,3)	Không	40 (19,8)
Câu 14		Câu 32		Câu 49	
Có	153 (75,7)	Có	146 (72,3)	Có	170 (84,2)
Không	49 (24,3)	Không	56 (27,7)	Không	32 (15,8)
Câu 15		Câu 33		Câu 50	
Có	177 (87,6)	Có	108 (53,5)	Có	153 (75,7)
Không	25 (12,4)	Không	94 (46,5)	Không	49 (24,3)
Câu 16		Câu 34		Câu 51	
Có	144 (71,3)	Có	140 (69,3)	Có	169 (83,7)
Không	58 (28,7)	Không	62 (30,7)	Không	33 (16,3)
Câu 17		Câu 35		Câu 52	
Có	77 (38,1)	Có	154 (76,2)	Có	183 (90,6)
Không	125 (61,9)	Không	48 (23,8)	Không	19 (9,4)
Câu 18					
Có	154 (76,2)				
Không	48 (23,8)				

Chỉ đưa vào phân tích những học viên tham gia khảo sát trả lời đủ 52 câu hỏi, thực hiện ở các mức khác nhau; trong đó câu hỏi có tỷ lệ học viên trả lời đã thực hiện cao nhất là câu số 2 (93,1%: Cân nhắc các cách giải quyết vấn đề trước khi ra quyết định). Một số nội dung học viên chỉ thực hiện được < 50%: câu 17 (Tôi có thể nhớ thông tin tốt), câu 20 (Tôi kiểm soát được việc tôi học tốt đến mức nào).

SỐ ĐẶC BIỆT CHUYÊN ĐỀ VỀ ĐÀO TẠO Y KHOA DỰA TRÊN NĂNG LỰC VÀ CHUẨN ĐẦU RA - 2021

Bảng 5: Kết quả khảo sát theo các năng lực thành phần của siêu nhận thức.

Năng lực về siêu nhận thức (n = 202)	Điểm tối đa	Điểm đạt; median (IQR)
Điểm năng lực chung về siêu nhận thức	52	0,8 (0,6 - 0,9)
Điểm kiến thức về siêu nhận thức	17	0,7 (0,5 - 0,9)
Điểm về sự điều chỉnh nhận thức	35	0,8 (0,7 - 0,9)
Điểm năng lực về chiến lược	4	0,8 (0,5 - 1,0)
Điểm năng lực về tuyên nhận	8	0,6 (0,5 - 0,9)
Điểm năng lực về điều kiện, tùy biến	5	0,8 (0,6 - 1,0)
Điểm năng lực về quản lý thông tin	10	0,8 (0,7 - 0,9)
Điểm năng lực về lập kế hoạch	7	0,9 (0,7 - 1,0)
Điểm năng lực về theo dõi, đánh giá bản thân	7	0,9 (0,7 - 1,0)
Điểm năng lực về chiến lược gỡ lỗi	5	1,0 (0,8 - 1,0)
Điểm năng lực về tự đánh giá	6	0,8 (0,7 - 1,0)

Điểm năng lực chung về siêu nhận thức ở mức cao, điểm năng lực về điều chỉnh nhận thức cao hơn kiến thức về siêu nhận thức.

Điểm năng lực thành phần về siêu nhận thức ở các mức khác nhau, năng lực nhận định bản thân cũng như đánh giá về mình còn hạn chế.

Bảng 6: Mối liên quan của năng lực siêu nhận thức với giới, năm học, nơi sinh sống, vùng miền.

Yếu tố		Điểm năng lực siêu nhận thức < 0,8 (n = 106) n (%)	Điểm năng lực siêu nhận thức ≥ 0,8 (n = 96) n (%)	P
Giới tính	Nữ	34 (32,1)	21 (21,9)	0,10
	Nam	72 (67,9)	75 (78,1)	
Đối tượng	Dân sự	35 (33,0)	15 (15,6)	0,004
	Quân sự	71 (67,0)	81 (84,4)	
Năm học	Thứ nhất	15 (14,2)	24 (25,0)	0,006
	Thứ hai	11 (10,4)	19 (19,8)	
	Thứ ba	33 (31,1)	27 (28,1)	
	Thứ tư	23 (21,7)	5 (5,2)	
	Thứ năm	12 (11,3)	12 (12,5)	0,17
	Thứ sáu	12 (11,3)	9 (9,4)	
Vùng	Nông thôn	85 (80,2)	69 (71,9)	
	Thành thị	21 (19,8)	27 (28,1)	
Miền	Miền Bắc	80 (75,5)	73 (76,0)	0,92
	Miền Nam	26 (24,5)	23 (24,0)	

SỐ ĐẶC BIỆT CHUYÊN ĐỀ VỀ ĐÀO TẠO Y KHOA DỰA TRÊN NĂNG LỰC VÀ CHUẨN ĐẦU RA - 2021

Tỷ lệ học viên có điểm năng lực siêu nhận thức ở mức cao ($\geq 0,8$) khác nhau không có ý nghĩa ở học viên tới từ vùng miền khác nhau, giới tính.

Tỷ lệ học viên có điểm năng lực siêu nhận thức ở mức cao của học viên quân sự cao hơn có ý nghĩa so với học viên dân sự.

Tỷ lệ học viên có điểm năng lực siêu nhận thức ở mức cao khác nhau có ý nghĩa giữa các nhóm học viên ở các năm học khác nhau, thấp ở năm thứ ba.

Bảng 7: Mối liên quan của năng lực siêu nhận thức với sở thích, thói quen trong học tập, sinh hoạt.

Yếu tố		Điểm năng lực siêu nhận thức < 0,8 (n = 106)	Điểm năng lực siêu nhận thức $\geq 0,8$ (n = 96)	p
Thói quen tập luyện thể thao n (%)	Không	65 (61,3)	37 (38,5)	0,001
	Thường xuyên	41 (38,7)	59 (61,5)	
Số sách đọc trong 3 tháng gần nhất (trừ sách chuyên ngành Y); $X \pm SD$		2,4 (3,1)	3,5 (4,0)	0,048
Số sách đọc trong 3 tháng gần nhất (trừ sách chuyên ngành Y); median (IQR)		2,0 (0,0; 3,0)	2,5 (1,0; 5,0)	0,035
Loại sách ưa thích; n (%)	Sách khoa học	48 (45,7)	48 (50,0)	0,54
	Sách văn học	57 (54,3)	48 (50,0)	
Tìm tài liệu học tập qua internet; n (%)	Chưa bao giờ	0 (0,0)	1 (1,0)	0,43
	Thỉnh thoảng	47 (44,3)	37 (38,5)	
	Thường xuyên	59 (55,7)	58 (60,4)	
Tìm tài liệu học tập tiếng Anh; n (%)	Chưa bao giờ	25 (23,6)	8 (8,3)	0,005
	Thỉnh thoảng	71 (67,0)	70 (72,9)	
	Thường xuyên	10 (9,4)	18 (18,8)	
Học tại thư viện; n (%)	Chưa bao giờ	32 (30,2)	22 (22,9)	0,33
	Thỉnh thoảng	65 (61,3)	61 (63,5)	
	Thường xuyên	9 (8,5)	13 (13,5)	

Tỷ lệ học viên có điểm năng lực siêu nhận thức cao hơn ở nhóm có thói quen tập luyện thể thao hằng ngày, đọc sách và tìm tài liệu bằng tiếng Anh.

Tỷ lệ học viên có điểm năng lực siêu nhận thức ở mức cao liên quan không có ý nghĩa với loại sách đọc, tìm tài liệu qua internet, có hay không học tại thư viện.

SỐ ĐẶC BIỆT CHUYÊN ĐỀ VỀ ĐÀO TẠO Y KHOA DỰA TRÊN NĂNG LỰC VÀ CHUẨN ĐẦU RA - 2021

Bảng 8: Mối liên quan của năng lực siêu nhận thức với điểm thi học kỳ và điểm thi lâm sàng gần nhất.

Kết quả thi	Điểm năng lực siêu nhận thức < 0,8 (n = 106)	Điểm năng lực siêu nhận thức ≥ 0,8 (n = 96)	p
	$\bar{X} \pm SD$	$\bar{X} \pm SD$	
Điểm thi học kỳ	7,0 ± 0,8	7,4 ± 0,8	0,005
Điểm thi lâm sàng	7,1 ± 0,8	7,5 ± 0,8	0,016

Kết quả học tập cao hơn có ý nghĩa ở nhóm học viên có điểm năng lực siêu nhận thức cao hơn.

BÀN LUẬN

Dạy học dựa trên năng lực và chuẩn đầu ra cần có sự chuyển đổi từ việc dạy học sang việc tự học, từ đào tạo sang tự đào tạo. Có nghĩa là, dạy học không chỉ đơn giản là truyền thụ tri thức một chiều, mà còn là hoạt động hướng dẫn người học tự chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kỹ năng thông qua việc tự định hướng, lập kế hoạch; tự theo dõi - điều chỉnh, tự đánh giá quá trình học tập của chính mình [14]. Siêu nhận thức là việc nhận thức và điều khiển việc học tập, hoặc kiến thức về suy nghĩ, cảm nhận và giá trị của con người. Khái niệm này có thể được chia làm hai thành phần: Kiến thức về nhận thức và điều hành nhận thức. Hai thành phần này đều có ý nghĩa quan trọng trong việc học tập có hiệu quả. Kiến thức về nhận thức liên quan đến việc cá nhân biết về nhận thức của chính họ hoặc về nhận thức nói chung. Điều hành nhận thức là một loạt các kỹ năng cần thiết nhằm giúp sinh viên điều khiển việc học của mình. Các kỹ năng này bao gồm việc lập kế hoạch, theo dõi và đánh giá [8, 9].

Kết quả nghiên cứu cho thấy điểm năng lực siêu nhận thức chung của học viên HVQY ở mức cao (0,8 điểm) (bảng 5). Điểm năng lực về điều chỉnh nhận thức bản thân cao hơn điểm về các kiến thức về siêu nhận thức, được lý giải là năng lực điều chỉnh về nhận thức được hình thành một cách tự nhiên, gián tiếp hình thành thông qua các nội dung và môn học cụ thể, trong các kiến thức cần được giới thiệu, định hướng tìm hiểu. Điều này chưa được thực hiện thành một phần học hay môn học cụ thể mà được giảng viên lồng ghép trong một môn học cụ thể. Kết quả nghiên cứu của Panchu P (2016) trên 100 sinh viên y khoa năm thứ nhất với điểm nhận thức về siêu nhận thức là 0,645 và điểm năng lực điều chỉnh nhận thức là 0,644 [16]; tương tự, kết quả nghiên cứu của Mishra BN (2019) trên 127 sinh viên y khoa năm thứ nhất cho thấy điểm nhận thức chung về siêu nhận thức là 0,775, trong đó điểm về hiểu biết là 0,759 và điểm về điều chỉnh nhận thức là 0,78 [15]. Như vậy, kết quả điểm năng lực siêu nhận thức của học viên HVQY

có xu hướng cao hơn, do đối tượng nghiên cứu gồm học viên thuộc các năm học khác nhau, ngoài ra đối tượng nghiên cứu của chúng tôi luôn được lồng ghép các hoạt động, các phương pháp dạy và học tích cực nhằm xây dựng phương pháp học tập y khoa. Khi phân tích theo các năng lực thành phần của siêu nhận thức cho thấy năng lực hay tri thức về tuyên nhận có điểm thấp nhất (bảng 5), đây là năng lực mà cá nhân mô tả về mức độ nhận thức của bản thân. Trong đào tạo dựa trên năng lực thì năng lực tuyên nhận hay mô tả về cách học, mức độ nhận thức của cá nhân có vai trò rất quan trọng, nó giúp cá thể hóa công việc học của từng người để đạt được chuẩn đầu ra của khóa học cũng như của từng giai đoạn.

Trong bối cảnh kiến thức y học cập nhật và phát triển nhanh chóng, sự khác biệt ngày càng lớn về các nhóm bệnh nhân đòi hỏi bác sĩ phải có khả năng giải quyết và quản lý vấn đề này. Siêu nhận thức là một khái niệm có thể giúp bao quát những điểm cốt lõi trong việc thích ứng với những thay đổi và cả những bất định [12]. Sinh viên y khoa phải được chuẩn bị để có khả năng đương đầu với những bất định và những kiến thức mới cập nhật liên tục trong y học. Một số nghiên cứu trước đây cho thấy những sinh viên y khoa học giỏi có khả năng dùng các chiến lược nhận thức, nổi bật là đặt ra mục tiêu, tự theo dõi, tự đặt câu hỏi, tư duy về hành vi và tự đánh giá [12, 13].

Hơn nữa, sinh viên phải được dạy phát triển siêu nhận thức của họ, thông qua việc lặp đi lặp lại các hoạt động có hướng dẫn. Trong lĩnh vực y khoa, bên cạnh những khái niệm chung, siêu nhận thức còn kiểm tra kỹ năng phỏng đoán những thành kiến, xem xét tình trạng bệnh tật từ quan điểm của bệnh nhân, hoặc đánh giá những điều cần thiết về phương thức điều trị bệnh [8]. Sinh viên y khoa không đơn giản chỉ là người học, mà còn phải là những chuyên gia y tế, họ phải thường xuyên đánh giá, theo dõi và nâng cao hiệu quả hoạt động của mình. Do đó, siêu nhận thức đóng vai trò thiết yếu trong đào tạo y khoa. Khả năng điều hành trải nghiệm học tập là yếu tố tối quan trọng để thành công [13].

Phân tích mối liên quan của năng lực siêu nhận thức với một số đặc điểm của học viên HVQY cho thấy có sự khác nhau có ý nghĩa về một số đặc điểm. Năng lực siêu nhận thức cao hơn ở học viên hệ quân sự so với hệ dân sự, cao hơn ở học viên năm thứ nhất, thứ hai, thứ năm, thứ sáu so với năm thứ ba và thứ tư, cao hơn ở nhóm học viên có thói quen tập luyện thể thao thường xuyên, đọc sách các lĩnh vực khác ngoài chuyên ngành Y và tìm kiếm tài liệu học tập bằng tiếng Anh.

Kết quả phân tích cũng cho thấy nhóm học viên có năng lực siêu nhận thức cao hơn có điểm thi học kỳ và điểm thi lâm sàng gần nhất cao hơn có ý nghĩa so với nhóm có năng lực siêu nhận thức ở mức thấp. Kết quả nghiên cứu của Hong WH và CS (2015) cho thấy điểm năng lực siêu nhận thức tương quan thuận mức độ vừa

với kết quả học tập các môn học của học viên năm thứ nhất [11]. Một cách khái quát, năng lực siêu nhận thức hay năng lực về việc học là cơ sở quan trọng để sinh viên y khoa có thể đạt được kết quả tốt trong học tập.

Cutting MF và CS (2012) đưa ra những nguyên tắc quan trọng của việc học, từ đó giúp định ra những điều phù hợp nhất để cải thiện việc học của sinh viên y khoa, việc hướng dẫn giảng viên dạy và thiết kế chương trình giảng dạy có hiệu quả hơn. Một trong những nguyên tắc đó là “phát triển siêu nhận thức” mà tác giả cho là cần thiết để củng cố việc học sâu và lâu dài [12]. Siêu nhận thức giúp sinh viên học sâu, nhớ kiến thức dễ hơn và lựa chọn cũng như sử dụng các chiến lược chính xác, cùng với việc nhận thức được điểm mạnh và yếu của từng cá nhân. Do vậy, các nhà giáo dục và thiết kế chương trình cần tập trung vào vấn đề này khi nghiên cứu phát triển chương trình để phát triển siêu nhận thức [5].

KẾT LUẬN

Năng lực siêu nhận thức của học viên HVQY ở mức cao, điểm kiến thức về siêu nhận thức thấp hơn so với năng lực điều chỉnh nhận thức. Năng lực siêu nhận thức tốt hơn ở học viên hệ quân sự, có thói quen tập luyện thể thao, đọc sách ngoài chuyên môn y khoa và tìm tài liệu bằng tiếng Anh qua internet. Học viên có thành tích học tập các môn cụ thể của chương trình y khoa cũng có năng lực siêu nhận thức tốt hơn.

KIẾN NGHỊ

Đề xuất đưa nội dung dạy - học về siêu nhận thức vào chương trình đào tạo y khoa. Cần tăng cường tổ chức các hoạt động thể thao, khuyến khích học viên rèn luyện thói quen đọc sách ngoài chuyên ngành y cũng như tích cực tìm hiểu tài liệu y khoa bằng tiếng Anh nhằm nâng cao năng lực siêu nhận thức cho sinh viên các trường y khoa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Xuân Bính, Phí Văn Thủy. Vai trò của siêu nhận thức trong dạy học môn Toán ở trường trung học phổ thông. Tạp chí Giáo dục 2016; Số đặc biệt:236-238.
2. Cao Thị Hà, Nguyễn Văn Thanh. Siêu nhận thức - những vấn đề lý luận và khả năng vận dụng vào quá trình dạy học toán. Tạp chí Giáo dục 2016; 329:51-53.
3. Bộ Y tế. Quyết định 1854/QĐ-BYT: Chuẩn năng lực cơ bản của bác sĩ đa khoa 2015.
4. Schraw G, Dennison RS. Assessing metacognitive awareness. Contemporary Educational Psychology 1994; 19:460-475.
5. Medina MS, Castleberry AN. Strategies for improving learner metacognition in health professional education. American Journal of Pharmaceutical Education 2017; 81(4):78.
6. Murray Fisher, Jennifer King, Grace Tague. Development of a self-directed learning readiness scale for nursing education. Nurse Education Today 2001; 21:516-525.
7. Colbert CY, Graham L. Teaching metacognitive skills: Helping your physician trainees in the quest to "know what they don't know". The American Journal of Medicine 2015; 128(3):318-324.

8. Schraw G. Promoting general metacognitive awareness. *Inst Sci* 1998; 26:113-125.
9. Schellenberg S, Negishi M, Eggen P. The effects of metacognition and concrete encoding strategies on depth of understanding in educational psychology. *Teach Educ Psychol* 2011; 7:17-24.
10. Balcikanli C. Metacognitive awareness inventory for teachers (MAIT). *Electronic Journal of Research in Educational Psychology* 2011; 9(3):1309-1332.
11. Hong WH, Vadivelu J. Thinking about thinking: Changes in first-year medical students' metacognition and its relation to performance. *Medical Education Online* 2015; 20:27561. <http://dx.doi.org/10.3402/meo.v20.27561>.
12. Cutting MF, Saks NS. Twelve tips for utilizing principles of learning to support medical education. *Med Teach* 2012; 34:20-24.
13. Tanner KD. Promoting student metacognition. *CBE Life Sci Educ* 2012; 11:113-120.
14. Abdelrahman M, Iesa M. Medical students' perception of their education and training to cope with future market trends. *Advances in Medical Education and Practice* 2020; 11:237-243.
15. Mishra BN, Panwar NKS. An age and gender-based analysis of "metacognitive awareness inventory" (MCAI) among first-year MBBS students from a Central Indian medical college. *The Journal of Community Health Management* 2019 July-September; 6(3):77-81.
16. Pallavi Panchu P, Biju Bahuleyan B. Metacognitive awareness - evaluation and implications in medical student. *International Journal of Research in Medical Sciences* 2016; 4(8):3570-3575.